TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 99/2024/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thống

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Ông Phạm Văn Chính

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Nguyễn Hữu N, cán bộ Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 30/9/2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 78/2023/TLST-KDTM ngày 12/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2024/QĐXXST-DS ngày 15/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 278/2024/QĐST-KDTM ngày 12/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 442/2024/ QĐST-KDTM ngày 11/9/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: A Đường số B, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Mộng Tú T, Huỳnh Châu P theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2023.

Địa chỉ: 2 đường A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Thúy H – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: 2 (Lầu A) đường A, khu phố A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Bình

Địa chỉ: 6/21 ấp D (ấp F cũ), xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú H1, Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 50/63/26 N, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023 và các lời khai của bà Lâm Mộng Tú T người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH B trình bày: Ngày 28/02/2021, chúng tôi Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH S1 (gọi tắt là Công ty S1) có mua bán hàng hóa với nhau. Theo đó, chúng tôi nhận cung cấp các loại hàng hóa bao gồm: Keo A (AD-752S); Keo P (AC-235); K (AD-6600); Keo P (AC-235H); …. cho Công ty S1.

Vì tin tưởng và đã làm ăn lâu năm nên chúng tôi đã không tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa giữa hai bên mà chỉ thỏa thuận miệng về cách thức giao, nhận hàng và thời hạn thanh toán. Công ty B và Công ty S1 thống nhất với nhau như sau:

- Về cách thức giao nhận hàng hóa: Công ty S1 có nhu cầu nhập hàng thì sẽ báo trước cho chúng tôi thông qua email hoặc zalo của người hỗ trợ đặt hàng của Công ty B. Sau khi xác định số lượng hàng và thời gian nhận hàng, chúng tôi sẽ chuẩn bị đủ số hàng tại kho của chúng tôi. Công ty S1 chủ động cho nhân viên qua nhận hàng và ký nhận vào phiếu xuất kho.

- Về thời hạn thanh toán: Sau khi chúng tôi xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với hàng hóa đã nhận, gửi qua thư điện tử email và zalo cho người đại diện liên hệ từ Công ty S1 thì Công ty S1 sẽ thanh toán số tiền đó cho chúng tôi chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày chúng tôi xuất hóa đơn giá trị tăng. Trong nhiều lần mua bán hàng hóa, hai bên đều giao nhận hàng và thanh toán tiền đúng thời hạn, không có bất kỳ tranh chấp nào.

- Tuy nhiên, từ ngày 17/4/2021 sau khi Công ty S1 đến nhận hàng chúng tôi đã thực hiện gửi hóa đơn điện tử, phiếu xuất hàng đến Công ty S1 và đề nghị thanh toán nhưng Công ty S1 đã không thanh toán như thường lệ mà xin thanh toán vào đợt mua hàng tiếp theo. Vì trước đây, Công ty S1 luôn thanh toán đúng hẹn nên chúng tôi hoàn toàn tin tưởng, chấp nhận cho Công ty S1 thanh toán vào các đợt mua hàng tiếp theo.

- Tính từ ngày 17/4/2021 đến ngày 26/8/2022, Công ty S1 đã mua hàng của chúng tôi tổng cộng 25 lần, tổng giá trị đơn hàng (đã bao gồm VAT) trị giá số hàng đã nhận là 576.158.000 đồng và chưa thanh toán cho chúng tôi bất kỳ khoản tiền nào tính từ ngày 17/4/2021 đến nay. Chúng tôi đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu phía Công ty S1 tiến hành thanh toán công nợ cho chúng tôi nhưng Công ty S1 vẫn cố tình chay ì và không thanh toán.

- Ngày 22/4/2023 với tinh thần thiện chí và mong muốn hợp tác lâu dài, chúng tôi đã gửi thông báo yêu cầu Công ty S1 thanh toán số tiền 576.158.000 đồng theo từng đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1 thanh toán vào ngày 10/5/2023, số tiền phải thanh toán là 100.000.000 đồng
+ Đợt 2 thanh toán vào ngày 10/6/2023, số tiền phải thanh toán là 100.000.000 đồng
+ Đợt 3 thanh toán vào ngày 10/7/2023, số tiền phải thanh toán là 100.000.000 đồng
+ Đợt 4 thanh toán vào ngày 10/8/2023, số tiền phải thanh toán là 100.000.000 đồng
+ Đợt 5 thanh toán vào ngày 10/9/2023, số tiền phải thanh toán là 100.000.000 đồng
+ Đợt 6 thanh toán vào ngày 10/10/2023, số tiền phải thanh toán là 76.158.000 đồng

- Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thanh toán đợt 1, đợt 2, đợt 3 và đợt 4 mà Công ty S1 vẫn không thanh toán và không có bất kỳ phản hồi nào cho chúng tôi. Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn giải quyết buộc Công ty S1 thanh toán một lần và đầy đủ số tiền 662.581.700 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc 576.158.000 đồng, tiền lãi phát sinh chậm trả tạm tính từ ngày 11/5/2023 đến 11/5/2024 là 86.423.700 đồng.

Bị đơn: Công ty TNHH S1 vắng mặt không lý do. Tại văn bản trả lời kết quả xác minh số 9135/ĐKKD-T6 ngày 22/11/2023 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H thì Công ty TNHH S1 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp C1; địa chỉ trụ sở chính tại số F ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú H1. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ các thủ tục và niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu đương sự, thông báo hòa giải và kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ, kết quả của việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với phía bị đơn Công ty TNHH S1.

Tại phiên tòa ngày hôm nay phía Công ty B có sự thay đổi yêu cầu về tiền lãi, cụ thể yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S1 thanh toán số các khoản sau: Nợ gốc: 576.158.000 đồng, lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 (12 tháng) là 51.854.220 đồng. Tổng cộng: 628.012.220 đồng và trả ngay một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, còn Công ty TNHH S1 vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH B, bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Căn cứ các chứng từ, tài liệu, hóa đơn giá trị gia tăng, báo cáo thuế của Công ty TNHH B cung cấp cho Tòa án và Tòa án đã thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn Công ty TNHH S1 thanh toán cho phía nguyên đơn Công ty TNHH B các khoản nợ sau: Nợ gốc: 576.158.000 đồng, lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 (12 tháng) là 51.854.220 đồng. Tổng cộng: 628.012.220 đồng và trả ngay một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho việc giải quyết vụ án, ngoài những tài liệu, chứng cứ đã nộp tại hồ sơ, không còn chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của phía Công ty TNHH B về việc tranh chấp mua bán hàng hóa với Công ty TNHH S1 thì đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của Công ty TNHH B yêu cầu Công ty TNHH S1 phải trả số nợ gốc là 576.158.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 là 51.854.220 đồng. Tổng cộng: 628.012.220 đồng và thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ theo các chứng từ, thông báo ngày 22/4/2023, xác nhận công nợ ngày 29/9/2023, phiếu xuất hàng, các hóa đơn giá trị gia tăng thì đến ngày 30/9/2024 phía Công ty TNHH S1 còn nợ Công ty TNHH B số tiền 576.158.000 đồng, đây là chứng cứ chứng minh được quy định tại các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận sự việc trên là có thật.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản theo quy định của ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024, xét yêu cầu tính lãi nêu trên của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ vào quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng N1 thì mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng N1 là 9%/năm và số tiền lãi được tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024, cụ thể như sau: 576.158.000 đồng x 9%/năm x 12 tháng = 51.854.220 đồng.

[5] Xét yêu cầu của Công ty TNHH B: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền nợ gốc là 576.158.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 là 51.854.220 đồng. Tổng cộng: 628.012.220 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của phía nguyên đơn Công ty TNHH B đối với thời gian tính tiền lãi từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 là 12 tháng ít hơn thời gian thực tế cũng như lãi suất 9%/năm thấp hơn quy định trong pháp luật kinh doanh thương mại và phần lãi suất nợ quá hạn trung bình, cũng như không yêu cầu phạt giá trị hợp đồng không thực hiện cùng với việc bồi thường mọi thiệt hại phát sinh, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn Công ty TNHH S1 và không trái quy định của pháp luật cũng như phù hợp với văn bản thông báo, xác nhận công nợ có xác nhận của phía bị đơn là giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty, các chứng từ, hóa đơn, nghĩ có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty TNHH B yêu cầu Công ty TNHH S1 thanh toán nợ gốc là 576.158.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 là 51.854.220 đồng. Tổng cộng: 628.012.220 đồng là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận.

[7] Tại công văn trả lời kết quả xác minh số 9135/ĐKKD-T6 ngày 22/11/2023 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H thì Công ty TNHH S1 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp C1 còn hoạt động, chưa đăng ký giải thể, có địa chỉ trụ sở chính địa chỉ số F ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Phú H1. Tại phiên tòa hôm nay, phía Công ty TNHH B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Công ty TNHH S1 vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty ông Nguyễn Phú H1 theo quy định của pháp luật tại trụ sở Công ty cũng như tại chỗ ở.

[9] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải chịu theo quy định của pháp luật trên số nợ 628.012.220 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228 và Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 274, 278, 280, 357, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, 34, 50, 55, 56 và Điều 297 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B về việc yêu cầu Công ty TNHH S2 toán số nợ gốc là 576.158.000 (*Năm trăm bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi tám ngàn*) đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 30/9/2024 là 51.854.220 (*Năm mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi*) đồng. Tổng cộng: 628.012.220 (*Sáu trăm hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn hai trăm hai mươi*) đồng.

2. Buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền 628.012.220 (*Sáu trăm hai mươi tám triệu không trăm mười hai ngàn hai trăm hai mươi*) đồng. Thi hành 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại C cục T1 hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải chịu 29.120.488 (*Hai mươi chín triệu một trăm hai mươi ngàn bốn trăm tám mươi tám*) đồng. Công ty TNHH B không phải chịu tiền án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH B số tiền 15.251.634 (*Mười lăm triệu hai trăm năm mươi mốt ngàn sáu trăm ba mươi bốn*) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0017189 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày Công ty TNHH B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH S1 không chịu thanh toán số tiền trên thì hàng Công ty TNHH S1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ chưa thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thống